

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 7 - 2022

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

*Các Thẩm phán:* Bà **Trần Thị Kim Em**

**Bà Nguyễn Ái Đoan**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
**Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1953 (M) (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TS, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Hoàng A** – Văn phòng luật sư **Hoàng Anh Minh** thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964 (Có mặt).

2. Ông **Lê Thành N**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TA, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn **Hồ Thị X**, bị đơn **Nguyễn Thị H**, **Lê Thành N**.

*Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hồ Thị X trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông Lê Thành N, bà Nguyễn Thị H đã mượn của bà tổng cộng 60 chỉ vàng 24k. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả lại số vàng này nhưng vợ chồng ông N, bà H vẫn không trả.

Nay, bà Hồ Thị X yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Lê Thành N trả 60 chỉ vàng 24k, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà Hồ Thị X là mẹ nuôi của bà. Bà X ở chung nhà với bà gần 10 năm. Trong thời gian chung sống bà X có cho vợ chồng bà mượn 1,5 cây vàng 24k. Bà X có yêu cầu bà viết biên nhận. Bà X tính lời, lãi là 4,5 cây vàng 24k. Sau đó, bà X buộc bà ký biên nhận nợ 60 chỉ vàng 24k vào năm 2018. Trong 60 chỉ vàng 24k ký nhận có 15 chỉ vàng 24k là nợ gốc, số còn lại là nợ lãi. Trong khoảng thời gian này, bà đã trả cho bà X số tiền lãi 86.400.000 đồng.

Bà X yêu cầu bà hốt hụi trả nợ. Bà đã hốt hụi được 215.000.000 đồng và bà đã trả cho bà X vào năm 2019. Khi nhận tiền xong, bà X không xé biên nhận mà yêu cầu bà tiếp tục trả 60 chỉ vàng 24k, bà không đồng ý nên nhờ chính quyền áp hòa giải.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, bà không đồng ý, bà đã trả gốc và lãi với số tiền 215.000.000 đồng, bà không đồng ý trả nữa.

*Bị đơn ông Lê Thành N trình bày:* Vợ chồng ông có nợ bà Hồ Thị X 1,5 cây vàng 24k và có viết biên nhận cho bà X vào năm 2016. Vợ ông là bà Nguyễn Thị H đã hốt hụi trả nợ cho bà X.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, ông không đồng ý, vợ chồng ông đã trả gốc và lãi cho bà X, ông không đồng ý trả nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 471, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Lê Thành N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị X 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24k, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Hồ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Thành N số tiền lãi 214.450.000 đồng, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/12/2021, nguyên đơn Hồ Thị X có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận trả cho Nguyễn Thị H, Lê Thành N số tiền 214.450.000 đồng.

Ngày 07/12/2021, bị đơn Nguyễn Thị H, Lê Thành N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo hướng bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H, ông N phải trả cho bà X 60 chỉ vàng 24k, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 549/QĐ-VKS-DS với nội dung yêu cầu hủy 1 phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị X phát biểu ý kiến: Bà Nguyễn Thị H khai nhận, bà là người viết biên nhận nợ bà X 60 chỉ vàng 24k là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà X, vì vậy việc bà X khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X buộc bà H và ông N có nghĩa vụ trả cho bà X 60 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền 214.450.000 đồng án sơ thẩm buộc bà X trả cho bà H, ông Nhân là vượt quá yêu cầu khởi kiện vì phần này bà H và ông Nhân không có yêu cầu phản tố, bà X có yêu cầu kháng cáo phần này, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông N sửa án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị X, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Thành N, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi tài sản”, theo Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] *Về nội dung*: Theo trình bày của bà Trần Thị X, trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 bà có cho vợ chồng ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị H mượn tổng cộng là 60 chỉ vàng 24k, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Nhân và bà H trả số vàng trên nhưng ông N, bà H không trả. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thành N trả cho bà 60 chỉ vàng 24k ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thành N cho rằng chỉ vay của bà X 15 chỉ vàng 24k và có viết biên nhận, sau đó bà X tính lời lãi là 45 chỉ vàng 24k và buộc bà H ký biên nhận nợ 60 chỉ vàng 24k vào năm 2018, ông N không ký tên vào biên nhận mà do bà H ký thay. Sau đó bà H hốt hụi và đã trả cho bà X số tiền là 214.450.000đồng vào năm 2019, bà H đã trả xong nợ gốc và lãi của biên nhận 60 chỉ vàng 24k. Nay bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thành N không đồng ý trả theo yêu cầu của bà X.

Xét thấy, theo lời trình bày của ông N và bà H thì ông Nhân không ký tên vào biên nhận mượn 60 chỉ vàng 24k của bà X, tên của ông N trong giấy mượn vàng là do bà H viết nhưng ông N khai nhận ông có cùng bà H mượn của bà X 15 chỉ vàng 24k trong số 60 chỉ vàng 24k mà bà X yêu cầu. Án sơ thẩm nhận định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông N có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả cho bà X 60 chỉ vàng 24k là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền 214.450.000đồng bà H KH đã trả cho bà X, án sơ thẩm cho rằng đây là tiền lãi bà H đã trả của 60 chỉ vàng và căn cứ vào lời KH của ông Đoàn Văn T, ông Huỳnh Văn C cho rằng tại buổi hòa giải tại trụ sở ấp TA bà X có thừa nhận nhận tiền lãi từ bà H là 215.000.000đồng. Ngoài ra án sơ thẩm còn căn cứ vào lời KH của bà Trần Thị C (chủ hụi) trình bày là bà H có tham gia chơi hụi do bà làm chủ 04 dây hụi và đã hốt xong cụ thể: Ngày 08/10/2018 bà H hốt 31.000.000đồng, ngày 25/4/2019 bà H hốt 33.600.000đồng, ngày 29/7/2019 bà H hốt 80.900.000đồng và ngày 20/12/2019 bà H hốt 68.950.000đồng để cho rằng những lần hốt hụi này là trả tiền cho bà X và tổng số tiền trả cho bà X là 214.450.000đồng để buộc bà X có nghĩa vụ trả lại cho bà H và ông N.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời KH của ông Đoàn Văn T và ông Huỳnh Văn C là những người chứng kiến buổi hòa giải tại trụ sở ấp TA để nhận định bà X có thừa nhận nhận tiền lãi từ bà H là 215.000.000đồng nhưng bà X không thừa nhận lời trình bày của ông T và ông C, cấp sơ thẩm đã không tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản hòa giải của ấp TA hoặc ghi lời khai của tất cả những người tham gia phiên hòa giải để nhằm xem xét, đánh giá chứng cứ.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn căn cứ vào lời trình bày của bà Trần Thị Ch để cho rằng mỗi lần bà H hốt hụi là để trả tiền lãi vay vàng cho bà X. Nhưng tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Ch (BL 51) có đoạn “...Khi giao tiền hụi, tôi giao bà X, bà X đưa cho bà H đếm tiền rồi bà H giao lại cho bà X nhưng tôi không biết lý do đưa tiền”. Lời trình bày của bà Ch không được bà X thừa nhận nhưng cấp sơ thẩm không cho đối chất giữa bà X, bà H và bà Ch.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “ Số tiền hụi bà H đã trả cho bà X được chia làm bốn lần, cụ thể như sau: Ngày 08/10/2018 bà H trả 31.000.000đồng, ngày 25/4/2019 bà H trả 33.600.000đồng, ngày 29/7/2019 bà H trả 80.900.000đồng và ngày 20/12/2019 bà H trả 68.950.000đồng. Tổng số tiền lãi bà H đã trả cho bà X là 214.450.000đồng”. Tuy nhiên chứng cứ có trong hồ sơ (BL 78,79, 80 và 82) là những giấy ghi “Hụi 5.000.000 mở ngày 20/8/2019 hốt ngày 20/12/2019...”; “Hụi 5.000.000 mở ngày 29/2/2019 hốt ngày 29/7/2019...”; “Hụi 2.000.000 mở ngày 25/1/2019 hốt ngày 25/4/2019...”; “Hụi 2.000.000 mở ngày 8/8/2018 hốt ngày 8/10/2018...”. Tất cả không thể hiện người giao hụi cũng như người hốt hụi và đây không phải là chứng cứ để chứng minh bà X có nhận của bà H số tiền là 214.450.000đồng. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm, bà H khai nhận bà viết giấy mượn 60 chỉ vàng 24k của bà X vào ngày 30/12/2019. Như vậy thời gian bà H viết giấy mượn vàng của bà X là sau các lần bà H trả tiền cho bà X mà án sơ thẩm nhận định đó là các khoản tiền lãi bà H đã trả của 60 chỉ vàng 24k.

[4] Từ những phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ đầy đủ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ một cách chủ quan. Việc buộc bà X phải trả lại cho bà H và ông Nhân số tiền 214.450.000đồng là không phù hợp, bởi lẽ bà H và ông Nhân không yêu cầu phản tố, hơn nữa nếu có căn cứ cho rằng bà H đã trả cho bà X số tiền 214.450.000đồng từ việc vay 60 chỉ vàng 24k thì cần phải khảo sát giá vàng từng thời điểm để trừ vào số tiền mà bà H đã trả.

[5] Nhận thấy cấp sơ thẩm thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là thiếu sót, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó cần hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn cũng như lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[7] Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông Nhân, bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001476 ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, TG;
- CCTHADS huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Tuyết Linh**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**